Phó Trưởng ban	40%
Trưởng Bộ môn	80%
Đại đội trưởng	80%
Phó Đại đội trưởng	85%

2. Giảng viên là sĩ quan biệt phái thuộc Trung tâm GDQP&AN được bổ nhiệm chức vụ quản lý và các vị trí dưới đây có nghĩa vụ trực tiếp giảng dạy theo khung định mức như sau *(tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn giảng dạy cả năm của chức danh giảng viên):*

Chức danh	**Trung tâm có 20 nghìn sinh viên/năm trở lên**	**Trung tâm có dưới 20 nghìn sinh viên/năm**
Phó Giám đốc	15%	20%
Trưởng ban	30%	35%
Phó Trưởng ban	35%	40%
Trưởng bộ môn	75%	80%
Đại đội trưởng	75%	80%
Phó Đại đội trưởng	80%	85%
Chính trị viên đại đội	80%	85%
Trung đội trưởng	75%	80%

3. Giảng viên thuộc Trung tâm GDQP&AN, giảng viên là sĩ quan biệt phái giữ chức danh Phó Trưởng ban (nếu có), Trưởng ban, Phó Giám đốc, Giám đốc được miễn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; hoạt động chuyên môn, kết nối và phục vụ cộng đồng.

Điều 10. Giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên

1. Chế độ giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm các công việc chuyên môn:

a) Giáo viên chủ nhiệm lớp được giảm 04 tiết/tuần.

b) Giáo viên kiêm phụ trách phòng học bộ môn, phòng thiết bị giáo dục được giảm 03 tiết/môn/tuần.

c) Tổ trưởng tổ chuyên môn được giảm 03 tiết/tuần.

d) Tổ phó tổ chuyên môn được giảm 01 tiết/tuần.

2. Chế độ giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm công tác Đảng, đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường:

a) Giáo viên kiêm bí thư chi bộ được giảm 03 tiết/tuần.

b) Giáo viên kiêm nhiệm công tác công đoàn thực hiện giảm định mức tiết dạy theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

c) Giáo viên kiêm công tác bí thư đoàn, phó bí thư đoàn cấp trường được hưởng chế độ, chính sách theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02

năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

d) Giáo viên kiêm Trưởng ban Thanh tra nhân dân trường học được giảm 02 tiết/tuần.

đ) Để đảm bảo chất lượng giảng dạy và chất lượng công tác, mỗi giáo viên không làm kiêm nhiệm quá 02 nhiệm vụ và được hưởng chế độ giảm định mức tiết dạy của chức vụ có số tiết giảm cao nhất.

3. Giáo viên kiêm nhiệm các công tác khác được giảm trừ tiết dạy thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 05/2025-TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

4. Chế độ giảm định mức tiết dạy đối với các đối tượng khác

a) Giáo viên trong thời gian tập sự được giảm 02 tiết/tuần.

b) Giáo viên nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được giảm 03 tiết/tuần.

c) Giáo viên trong thời gian đi khám bệnh, chữa bệnh (không vượt quá thời gian quy định) được Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc đồng ý và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền thì không phải dạy bù đối với các tiết dạy được phân công theo kế hoạch và số tiết dạy này được tính vào định mức tiết dạy của giáo viên.

5. Việc phân công giáo viên kiêm nhiệm các công việc chuyên môn, công tác Đảng, đoàn thể; thực hiện các công tác có giảm trừ định mức và quy đổi hoạt động chuyên môn ra tiết dạy cần được phê duyệt của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc.

Điều 11. Quy đổi các hoạt động chuyên môn khác của giáo viên ra tiết dạy

1. Quy đổi 01 tiết dạy trực tiếp (hoặc trực tuyến) bằng 01 tiết định mức đối với các hoạt động chuyên môn sau:

a) Dạy trực tuyến theo kế hoạch giáo dục của Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An (không tổ chức theo lớp học) mà số học sinh tham gia học nhỏ hơn tổng số học sinh bình quân của 02 lớp (số lượng bình quân học sinh/lớp theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT);

b) Dạy học sinh ôn thi tuyển sinh, ôn thi tốt nghiệp theo quy định.

2. Quy đổi 01 tiết dạy trực tiếp (hoặc trực tuyến) bằng 1,5 tiết định mức đối với hoạt động chuyên môn do Hiệu trưởng Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An đề xuất và được Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc phê duyệt:

a) Báo cáo viên tại lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên;

b) Dạy minh họa tại buổi sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch;

c) Báo cáo tại hoạt động ngoại khóa, dạy hoạt động trải nghiệm hoặc hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tổ chức cho học sinh theo quy mô khối lớp hoặc

quy mô trường (có giáo án hoặc kế hoạch dạy học hoặc đề cương báo cáo);

d) Dạy trực tuyến theo kế hoạch giáo dục của Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An cho 02 lớp trở lên (dạy cùng thời điểm) hoặc trường hợp không tổ chức theo lớp học mà số học sinh tham gia học lớn hơn hoặc bằng tổng số học sinh bình quân của 02 lớp (số lượng bình quân học sinh/lớp theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT).

3. Giáo viên tham gia dạy phụ đạo cho học sinh hoặc dạy thêm cho học sinh có kết quả học tập môn học cuối học kì liền kề ở mức chưa đạt theo kế hoạch giáo dục của Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An (được Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc phê duyệt), thì 01 tiết dạy trực tiếp được quy đổi tối đa không quá 1,5 tiết định mức. Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc căn cứ vào quy mô tổ chức của lớp phụ đạo hoặc lớp học thêm, năng lực của học sinh trong lớp phụ đạo hoặc lớp học thêm để xác định cụ thể việc quy đổi tiết dạy theo quy định tại khoản này sau khi có đề xuất của Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An.

4. Giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi, bồi dưỡng học sinh tham gia Hội khỏe Phù đổng, bồi dưỡng học sinh tham gia Hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh, hướng dẫn học sinh tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật, hướng dẫn học sinh tham gia cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp theo kế hoạch giáo dục của Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An (được Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc phê duyệt) thì 01 tiết dạy trực tiếp (hoặc trực tuyến) được quy đổi tối đa không quá 02 tiết định mức. Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc căn cứ vào quy mô, cấp của kỳ thi để xác định cụ thể việc quy đổi tiết dạy theo quy định tại khoản này sau khi có đề xuất của Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An.

5. Giáo viên được phân công làm ban giám khảo trong các cuộc thi hoặc hội thi của giáo viên cấp trường theo kế hoạch được Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc phê duyệt (các cuộc thi hoặc hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) thì 01 tiết tham gia chấm trực tiếp được tính bằng 01 tiết định mức.

6. Giảng viên thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều này thì được tính giờ chuẩn tương đương số tiết định mức của giáo viên.

Điều 12. Quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái

1. Giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

2. Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái trong một năm học cụ thể như sau:

Chức danh	**Giờ chuẩn cho các chức danh**
Giảng viên cao cấp	250
Giảng viên chính	225
Giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái	200
Trợ giảng	100

3. Trên cơ sở định hướng, nhiệm vụ khoa học công nghệ, tiềm lực của Nhà trường, năng lực chuyên môn và đề xuất của cá nhân, Hiệu trưởng giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái và các đơn vị đủ định mức giờ khoa học. Giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học vượt định mức thì số giờ vượt định mức được bù vào giờ chuẩn giảng dạy (nếu thiếu giờ chuẩn giảng dạy) để tính mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm học, nếu vẫn còn giờ chuẩn nghiên cứu khoa học vượt định mức thì đơn vị thường trực căn cứ vào tình hình thực tiễn, các quy định về thi đua, khen thưởng, quy chế tiền thưởng và các văn bản liên quan khác trình Hiệu trưởng xem xét quyết định. Khuyến khích cá nhân công bố các kết quả nghiên cứu trên tạp chí quốc tế trong danh mục Web of Science/Scopus; tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm đến 1,0 trong danh mục do Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước quy định.

4. Mỗi năm học, giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc công việc đang đảm nhiệm. Kết quả nghiên cứu khoa học được đánh giá thông qua các sản phẩm nghiên cứu khoa học quy định cụ thể tại Điều 13 Quy định này.

5. Đối với giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái không thực hiện đủ số giờ nghiên cứu khoa học, phải lấy số giờ chuẩn giảng dạy (nếu vượt định mức) bù cho số giờ chuẩn nghiên cứu khoa học còn thiếu.

6. Mức độ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học là căn cứ để xem xét khi đánh giá, xếp loại và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan.

Điều 13. Quy đổi giờ chuẩn thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học

1. Các hoạt động sau của giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái được quy đổi sang giờ chuẩn nghiên cứu khoa học:

TT	Nhiệm vụ	Thời gian quy đổi
1	Chủ trì hoặc tham gia đề tài (dự án) khoa học công nghệ	
1.1	Đề tài (dự án) khoa học trọng điểm cấp Nhà nước; đề tài (dự án) độc lập cấp Nhà nước và dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước;	350 giờ chuẩn/đề tài/năm
1.2	Đề tài (dự án) khoa học nhánh cấp Nhà nước; đề tài cấp Nhà nước thuộc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED);	320 giờ chuẩn/đề tài/năm
1.3	Chương trình khoa học và công nghệ; đề tài khoa học, dự án KH&CN cấp Bộ; đề tài (dự án) cấp Tỉnh và tương đương.	300 giờ chuẩn/đề tài/năm
1.4	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu và xếp loại Đạt	286 giờ chuẩn/đề tài
2	Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, thực hiện các hợp đồng	

	nghiên cứu khoa học với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất *(nộp cho Nhà trường theo quy định của nhà nước, được tính giờ)*	
2.1	Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học doanh thu < 50 triệu VND	15 giờ chuẩn cho 1 công nghệ
2.2	Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học doanh thu từ 50 triệu VND < 100 triệu VND	30 giờ chuẩn cho 1 công nghệ
2.3	Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học doanh thu từ 100 triệu VND <150 triệu VND	50 giờ chuẩn cho 1 công nghệ
2.4	Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học doanh thu thu từ 150 triệu VND trở lên	70 giờ chuẩn cho 1 công nghệ
2.5	Hợp đồng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất và đời sống từ các đề tài NCKH của Trường.	0,5 giờ chuẩn/1 triệu đồng doanh thu
2.6	Hợp đồng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất và đời sống từ các đề tài NCKH không phải của Trường.	0,25 giờ chuẩn/1 triệu đồng doanh thu
3	Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế	
3.1	Bài báo trên các tạp chí quốc tế trong danh mục Web of Science.	350 giờ chuẩn/bài
3.2	Bài báo trên các tạp chí quốc tế trong danh mục Scopus.	300 giờ chuẩn/bài
3.3	Bài báo trên các tạp chí quốc tế được tính điểm công trình theo Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước	250 giờ chuẩn/bài
3.4	Báo cáo khoa học trong kỷ yếu hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh, phù hợp với chuyên ngành (được xuất bản có chỉ số ISBN)	200 giờ chuẩn/bài
3.5	Bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước được tính đến 1,0 điểm theo danh mục của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước	200 giờ chuẩn/bài
3.6	Bài báo trên tạp chí trong nước có chỉ số ISSN được tính điểm dưới 1,0 điểm theo danh mục của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước	150 giờ chuẩn/bài
3.7	Tạp chí Khoa học của Trường Đại học Tây Bắc	150 giờ chuẩn/bài

3.8	Báo cáo khoa học trong kỷ yếu hội thảo quốc tế bằng tiếng Việt, phù hợp với chuyên ngành (được xuất bản có chỉ số ISBN).	150 giờ chuẩn/bài
3.9	Báo cáo khoa học trong kỷ yếu hội nghị, hội thảo chuyên ngành quy mô quốc gia (được xuất bản có chỉ số ISBN).	100 giờ chuẩn/bài
3.10	Bài báo trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN nhưng không được tính điểm theo danh mục của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước.	100 giờ chuẩn/bài
3.11	Báo cáo khoa học trong kỷ yếu hội thảo quy mô cấp bộ, cấp tỉnh và tương đương (được xuất bản).	50 giờ chuẩn/bài
3.12	Báo cáo khoa học trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị khoa học quy mô cấp trường.	10 giờ chuẩn/bài
3.13	Sở hữu bằng phát minh sáng chế, giải thưởng khoa học công nghệ cấp Bộ/Tỉnh trở lên.	200 giờ chuẩn/1 giải thưởng hoặc bằng phát minh sáng chế.
4	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải	
4.1	Đề tài đạt giải "Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ", Giải thưởng VIFOTEC và các cuộc thi dành cho nghiên cứu khoa học của sinh viên được tổ chức ở nước ngoài (tính 100% số giờ cho giải thưởng thứ nhất và 50% giờ cho giải thưởng thứ 2 nếu đề tài đạt 2 giải thưởng)	
	- Đạt giải nhất	100 giờ chuẩn/đề tài
	- Đạt giải nhì	75 giờ chuẩn/đề tài
	- Đạt giải ba	50 giờ chuẩn/đề tài
	- Đạt giải khuyến khích	25 giờ chuẩn/đề tài
4.2	Đề tài đạt giải thưởng hội nghị khoa học khối ngành	
	- Đạt giải nhất	70 giờ chuẩn/đề tài
	- Đạt giải nhì	50 giờ chuẩn/đề tài
	- Đạt giải ba	30 giờ chuẩn/đề tài
	- Giải khuyến khích	15 giờ chuẩn/đề tài

4.3	Đề tài đạt giải cấp trường	
	- Đạt giải nhất	20 giờ chuẩn/đề tài
	- Đạt giải nhì	15 giờ chuẩn/đề tài
	- Đạt giải ba	10 giờ chuẩn/đề tài
	- Đạt giải khuyến khích	5 giờ chuẩn/đề tài
5	Tham gia hội đồng nghiệm thu sáng kiến kinh nghiệm	
	Chủ tịch/Phản biện	2 giờ chuẩn/hội đồng
	Ủy viên	1 giờ chuẩn/hội đồng
6	Tham gia hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên	
	Chủ tịch/Phản biện	2 giờ chuẩn/hội đồng
	Ủy viên	1 giờ chuẩn/hội đồng
7	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường	15 giờ chuẩn/đề tài
8	Biên soạn sách phục vụ đào tạo	
8.1	Giáo trình	100 giờ chuẩn/tín chỉ
8.2	Sách tham khảo	150 giờ chuẩn/sách
8.3	Sách chuyên khảo	350 giờ chuẩn/sách
8.4	Tập bài giảng (chỉ áp dụng với giảng viên là sĩ quan biệt phái)	100 giờ chuẩn/tín chỉ
8.5	Tài liệu giảng dạy (chỉ áp dụng với giảng viên là sĩ quan biệt phái)	70 giờ chuẩn/tín chỉ
9	Tham gia hội đồng nghiệm thu sách phục vụ đào tạo cấp đơn vị	
	Chủ tịch/Phản biện	3 giờ chuẩn/hội đồng
	Ủy viên	2 giờ chuẩn/hội đồng
10	Tham gia hội đồng nghiệm thu sách phục vụ đào tạo cấp trường	
	Chủ tịch/Phản biện	4 giờ chuẩn/hội đồng
	Ủy viên	3 giờ chuẩn/hội đồng
11	Xây dựng, chỉnh lý, nghiệm thu chương trình đào tạo dự bị, cao đẳng,	

	đại học, cao học	
11.1	Xây dựng mới một chương trình đào tạo	
	Trưởng tiểu ban phụ trách	1,5 giờ chuẩn/tín chỉ
	Thành viên xây dựng	4 giờ chuẩn/tín chỉ
	Thư ký	0,2 giờ chuẩn/tín chỉ
11.2	Chỉnh lý chương trình đào tạo	
	Trưởng tiểu ban phụ trách	0,5 giờ chuẩn/tín chỉ
	Thành viên chỉnh lý	2 giờ chuẩn/tín chỉ
	Thư ký	0,2 giờ chuẩn/tín chỉ
11.3	Nghiệm thu chương trình đào tạo	
	Chủ tịch	0,3 giờ chuẩn/tín chỉ
	Phản biện	0,3 giờ chuẩn/tín chỉ
	Thành viên	0,2 giờ chuẩn/tín chỉ
12	Xây dựng, bổ sung, nghiệm thu ngân hàng câu hỏi thi	
12.1	Xây dựng mới, chỉnh sửa bổ sung	
	Xây dựng mới	15 giờ chuẩn/tín chỉ
	Chỉnh sửa, bổ sung	Theo tỷ lệ bổ sung/tín chỉ
12.2	Nghiệm thu ngân hàng câu hỏi thi	
	Chủ tịch	1 giờ chuẩn/tín chỉ
	Phản biện/Phản biện kiêm ủy viên thư ký	1 giờ chuẩn/tín chỉ

* Lưu ý:

- Các bài báo khoa học, sách chuyên khảo, sách tham khảo, tài liệu tham khảo là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học các cấp không được tính giờ nghiên cứu khoa học.

- Các bài báo, giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sở hữu bằng phát minh sáng chế, giải thưởng khoa học công nghệ cấp Bộ/Tỉnh trở lên được nêu trong khoản 1 Điều này nếu có nhiều tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng 1/3 số giờ chuẩn quy đổi; số giờ chuẩn quy đổi còn lại được chia theo mức độ đóng góp của cho mỗi tác giả, kể cả tác giả chính. Trường hợp không thể xác

định cụ thể mức độ đóng góp của mỗi tác giả thì số giờ chuẩn còn lại được chia đều cho từng tác giả tham gia (kể cả tác giả chính);

- Tác giả chính của bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh mục Web of Science/Scopus được tính đủ định mức nghiên cứu khoa học trong năm học; các tác giả còn lại được tính bằng 2/3 số giờ chuẩn quy đổi chia cho tổng số tác giả (kể cả tác giả chính).

- Chủ nhiệm đề tài các cấp được tính đủ định mức nghiên cứu khoa học trong năm học; các thành viên còn lại được chia đều số giờ chuẩn quy đổi còn lại.

- Đối với trường hợp giảng viên tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ không do Trường Đại học Tây Bắc hoặc đơn vị trực thuộc Trường chủ trì thì không tính giờ nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian tính giờ chuẩn thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ

a) Đề tài thực hiện trong 1 năm chỉ được công nhận giờ nghiên cứu khoa học khi đã nghiệm thu và xếp loại Đạt trở lên.

b) Đề tài (dự án) khoa học công nghệ thực hiện từ 02 năm (24 tháng) trở lên được tính số giờ nghiên cứu khoa học cho từng năm học, căn cứ vào việc kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài (dự án) trong năm học.

c) Các bài báo khoa học chỉ được xác định khối lượng giờ nghiên cứu khoa học khi đã được đăng hoặc chấp nhận đăng trên Tạp chí. Minh chứng bài báo khoa học được đăng hoặc chấp nhận đăng trong năm học nào thì tính cho năm học đó và chỉ tính 01 lần.

Điều 14. Hoạt động chuyên môn, kết nối và phục vụ cộng đồng

1. Định mức giờ chuẩn hoạt động chuyên môn, kết nối và phục vụ cộng đồng đối với giảng viên trong một năm học cụ thể như sau:

Chức danh	**Giờ chuẩn cho các chức danh**
Giảng viên cao cấp	36
Giảng viên chính	61
Giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái	86
Trợ giảng	321

2. Các nhiệm vụ sau được quy đổi ra giờ chuẩn hoạt động chuyên môn, kết nối và phục vụ cộng đồng nếu có kế hoạch và sản phẩm kèm theo *(áp dụng đối với những nhiệm vụ không được thanh toán kinh phí trực tiếp theo kế hoạch riêng và không tính vượt quá định mức)*:

a) Đối với giảng viên